TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền

2. Ông Nguyễn Thành Lân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Ngọc Lữ, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, năm sinh 1969; Địa chỉ: Số 70 đường T, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H, năm sinh 1980; Địa chỉ: Số 88 đường L, Phường Q, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Bà Lê Thị M (viết tắt bà M) và bà Vũ Thị H (viết tắt bà H) là hàng xóm nên bà có cho bà H vay tiền nhiều lần, trong đó vừa có tiền đồng Việt Nam và vừa tiền đồng Dolla Mỹ. Để thống nhất số tiền vay nên ngày 14/3/2019, bà và bà H có lập giấy vay tiền có nội dung: Bà

H vay của bà bao gồm tiền mặt là 30.000.000 đồng và 2.000 Dolla Mỹ (được quy đổi tỷ giá 1 đồng Dolla Mỹ tương đương 23.158 đồng). Tổng số tiền nợ là 76.316.000 đồng và thời hạn vay từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/9/2019 theo lãi suất ghi trên giấy nợ là 2%/tháng nhưng thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Trong thời hạn vay, bà H đã trả tiền lãi từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/8/2019 với số tiền là 15.263.200 đồng, còn thiếu tháng 9/2019. Ngày 14/9/2019, hết thời vay theo thỏa thuận nhưng bà H không thực hiện trả tiền nợ gốc nhưng vẫn tiếp tục trả tiền lãi của tháng 10, 11 và 12/2019 với số tiền là 5.250.000 đồng rồi ngưng, không trả nữa. Bà cho rằng việc hai bên thỏa thuận trả lãi theo giấy vay tiền là 2%/tháng cũng như thực tế bà H trả lãi cho bà là 4%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên bà yêu cầu bà H trả tiền lãi trong thời hạn vay theo quy định của pháp luật là 20%/năm, đối với tiền lãi mà bà H trả vượt quá thì bà yêu cầu được cấn trừ vào tiền nợ gốc cho bà H. Tính đến thời điểm khởi kiện, bà H đã trả tiền lãi từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/8/2019 và tháng 10, 11, 12/2019 với tổng số tiền là 20.513.200 đồng, do tháng 9/2019 bà H chưa thanh toán nên thời điểm tính lãi sẽ là tháng 11/2019 theo mức lãi suất là 20%/năm thì số tiền bà H phải trả cho bà là 10.175.466 đồng, số tiền lãi bà H đã trả vượt quá là 10.337.734 đồng và số tiền này bà sẽ cấn trừ vào tiền nợ gốc cho bà H. Do đó, tiền nợ gốc mà bà H còn nợ là 65.978.266 đồng và tiền lãi được tính kể từ ngày 14/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất là 20%/năm và yêu cầu bà H trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Vũ Thị H trình bày: Ngày 14/3/2019, bà và bà M có lập giấy vay tiền, theo đó bà có vay của bà M tổng số tiền là 76.316.000 đồng, vừa có tiền Việt Nam đồng và tiền đồng Dolla Mỹ bao gồm tiền mặt là 30.000.000 đồng và 2.000 Dolla Mỹ (được quy đổi tỷ giá 1 đồng Dolla Mỹ tương đương 23.158 đồng) và thời hạn vay từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/9/2019 theo lãi suất ghi trên giấy nợ là 2%/tháng nhưng thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Bà đã trả cho bà M tiền lãi từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/8/2019 (5 tháng) số tiền là 15.263.200 đồng, số tiền lãi của tháng 10, 11 và 12/2019 là 5.250.000 đồng. Tổng cộng, bà H đã trả cho bà M số tổng số tiền là 20.513.200 đồng. Hết thời hạn vay, do gặp khó khăn về kinh tế nên bà không trả được số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ gốc thì bà cũng đồng ý, bà đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm mà bà M đưa ra và bà yêu cầu được trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Bà M xác định tiền nợ gốc mà bà H còn nợ là 65.978.266 đồng và yêu cầu bà H trả tiền lãi từ ngày 15/11/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất 20%/năm là 15.138.347 đồng. Tổng tiền nợ gốc và lãi là 81.116.613 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H xác định hiện còn thiếu của bà M tiền nợ gốc là 65.978.266 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày 15/11/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất

20%/năm. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà yêu cầu được trả tiền nợ gốc và lãi mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì bà H hiện có vay tiền của bà M vừa tiền Việt Nam đồng và vừa đồng Đolla Mỹ, tổng số tiền là 76.316.000 đồng và tiền lãi thực tế mà bà H phải trả cho bà M là 4%/tháng. Tuy nhiên, bà M cho rằng số tiền lãi mà hai bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định của pháp luật nên yêu cầu được tính tiền lãi theo mức lãi là 20%/năm trrong thời hạn vay cũng như hết thời hạn vay. Đối với số tiền lãi bà H trả vượt quá thì bà M cần trừ vào tiền nợ gốc và hai bên xác định tiền nợ gốc mà bà H còn nợ bà M là 65.978.266 đồng. Đối với tiền lãi, hai bên thống nhất tính từ ngày 15/11/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện giữa bà M và bà H có quan hệ vay mượn tiền nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn bà H hiện thực tế cư trú tại số 88 đường L, Phường Q, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét giấy vay tiền đề ngày 14/3/2019 giữa bà M và bà H thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, Điều 117

và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét bà M yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 65.978.266 đồng: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 14/3/2019 thể hiện bà H có vay của bà M tổng số tiền là 76.346.000 đồng, trong đó bao gồm tiền mặt là 30.000.000 đồng và 2.000 Dolla Mỹ (được quy đổi tỷ giá 1 đồng Dolla Mỹ tương đương 23.158 đồng) và thời hạn vay từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/9/2019 theo lãi suất ghi trên giấy nợ là 2%/tháng nhưng thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Bà M trình bày, do sự thỏa thuận của hai bên về tiền lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật nên bà M yêu cầu được tính lại mức lãi suất là 20%/năm, số tiền lãi mà bà H trả vượt quá thì bà M yêu cầu cấn trừ vao tiền nợ gốc. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, hai bên xác nhận bà H đã trả tiền lãi cho bà M là 20.513.200 đồng, chưa trả tiền lãi của tháng 9/2019 nên hai bên đã thống nhất tiền lãi được tính từ 12/2019 cho đến khi bà H thanh toán xong. Như vậy, tiền lãi trên số tiền nợ 76.346.000 đồng từ ngày 14/3/2019 đến ngày 15/11/2019 được tính theo mức lãi suất 20%/năm là 10.175.466 đồng và số tiền lãi bà H trả vượt quá theo quy định của pháp luật là 10.337.734 đồng nên bà M cấn trừ tiền lãi vượt quá này vào số tiền nợ gốc. Bà H cũng đồng ý cấn trừ tiền lãi mà bà đã trả vượt quá vào tiền nợ gốc. Do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ gốc mà bà H còn nợ của bà M là 65.978.266 đồng.

[2.3] Xét bà M yêu cầu bà H trả tiền lãi: Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy mượn tiền ngày 14/3/2019 thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Như vậy, khi thực hiện hợp mượn tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất nên bà M yêu cầu bà H trả tiền lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

Tuy nhiên tiền lãi mà hai bên thỏa thuận trong giấy mượn tiền cũng như trên thực tế là không phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, hai bên yêu cầu được tính mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực pháp luật". Do đó, mức lãi suất bà M yêu cầu bà H phải trả là có căn cứ nên chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự bà H đã trả cho bà M tiền lãi theo giấy mượn tiền từ ngày 14/3/2019 đến ngày 14/8/2019 và tiền lãi của tháng 10, 11, 12/2019. Hai bên

thống nhất chưa thanh toán nên thời điểm tính lãi là tháng 12/2019, bắt đầu được tính từ ngày 15/11/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất 20%/năm là 15.138.347 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của bà M buộc bà H trả tiền nợ gốc 65.978.266 đồng và tiền nợ lãi 15.138.347 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét về thời hạn trả nợ: Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi nêu trên nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M nên bà M yêu cầu bà H trả một lần số tiền nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

1.1. Buộc bà Vũ Thị H trả cho bà Lê Thị M số tiền là 81.116.613 (Tám mươi mốt triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm mười ba) đồng trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 65.978.266 (Sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám

nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng và tiền lãi là: 15.138.347 (Mười lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thanh toán xong.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.055.830 (Bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068356 ngày 24/9/2020 và số tiền 2.163.000 (Hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068986 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Lê Thị M và bà Vũ Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu